TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 114/2019/DS-ST Ngày 13-11-2019 V/v Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Bà Trần Thị Kim Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*:

1. 1. Bà Trần Thị Phương M, sinh năm 1969;

1.2. Ông Nguyễn Long H, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Số 180/27, đường Y, Tổ 8, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Mạnh T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 74, đường Đ, Tổ 27, Khu phố 4, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 18 tháng 5 năm 2019). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Việt H – Luật sư – Chi nhánh Văn phòng Luật sư Hoàng Minh BP – Thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị Thanh P, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 180/33, đường Y, Tổ 8, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1994.

3.2. Bà Nguyễn Mai Ph, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: Số 180/27, đường Y, Tổ 8, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Ông Trần Văn Q, sinh năm 1925; địa chỉ: Số 180/25 đường Y, Tổ 8, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 20/5/2019, quá trình giải quyết vụ án người đại diện của nguyên đơn ông Vũ Mạnh T trình bày:

Bà Trần Thị Phương M là người quản lý sử dụng phần đất có diện tích 149m^2, thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M. Nguồn gốc đất là do cha mẹ tặng cho từ năm 2003.

Qúa trình quản lý sử dụng, bà Trần Thị Phương M làm thất lạc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên, sau đó bà M làm thủ tục xin cấp lại phó bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên khi thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì bà Trần Thị Thanh P (là chị ruột của bà Trần Thị Phương M) ngăn cản, thông báo với cơ quan có thẩm quyền là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 149m^2, thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M hiện do bà P đang giữ bản chính. Do đó, thủ tục thực hiện lại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M đối với thửa đất nêu trên không thực hiện được.

Theo biên bản làm việc tại Uỷ ban nhân dân phường H, bà P xác nhận đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không đồng ý giao trả, vì lý do ông Trần Văn Q (là cha ruột của bà M và bà P) có thỏa thuận với bà P chuyển nhượng cho bà P phần đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên, bà P chưa thanh toán cho ông Q 100.000.000 đồng để ông Q yêu cầu bà M thực hiện việc sang tên phần diện tích đất này cho bà P. Do các bên chưa thống nhất thỏa thuận xong nên bà P không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà M.

Do bà Trần Thị Thanh P đang giữ bản chính quyền sử dụng đất của bà M và đưa ra yêu cầu vô lý, giữa bà M và bà P, ông Q không có thỏa thuận gì liên quan đến quyền sử dụng đất nêu trên vì vậy bà M không có nghĩa vụ gì với bà P, ông Q.

Vì vậy, nay bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Thanh P phải trả lại cho bà Trần Thị Phương M bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 149m^2, thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của nguyên đơn (bản sao), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M (bản photo), hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tờ khai lệ phí trước bạ, quyết định của Ủy ban nhân dân (bản sao); biên bản làm việc ngày 08/3/2019 (bản photo).

2. Qúa trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản làm việc bị đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày:

Nguồn gốc của thửa đất bà mà Trần Thị Phương M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01145/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M có nguồn gốc là của ông Trần Văn Q, sinh năm 1925; địa chỉ Số 180/25 đường Y, Tổ 8, Khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (cha ruột của bà M và bà P). Ông Trần Văn Q được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số U518628, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00065/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) T cấp ngày 09/01/2002. Ông Q đã tặng cho các con là Trần Thị Thanh P và Trần Thị Phương M một phần diện tích đất giáp với mặt tiền đường hẻm. Còn phần đất phía sau thì ông Q đã chuyển nhượng cho bà P một phần và hiện nay bà P đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ (02 thửa). Riêng đối với thửa đất mà Trần Thị Phương M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01145/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) T cấp ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M là của ông Trần Văn Q tặng cho bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965; địa chỉ: Không nhớ rõ số nhà, đường, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (con ruột của ông Q). Phần đất này là ông Q tặng cho bà L nhưng vì bà L ở thành phố Hồ Chí Minh và không đồng ý đứng tên nên nhờ bà M đứng tên giùm đối với phần đất này để thuận lợi cho việc thế chấp quyền sử dụng đất vay vốn ngân hàng. Từ lúc được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ thì bà M không giữ giấy chứng nhận QSDD này ngày nào cả mà là do bà P cất giữ (do bà P là người làm thủ thục cấp giấy chứng nhận

QSDĐ). Khoảng năm 2004 bà P vay tiền giúp cho bà L nên bà P và bà M đã thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ này để vay tiền ngân hàng cho bà L. Sau khi trả hết nợ cho ngân hàng thì bà P nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ và cất giữ cho đến nay. Năm 2006-2007 ông Q cần tiền để sinh hoạt chi tiêu nên ông Q đã thỏa thuận với bà M (do bà M đứng tên) làm thủ tục sang tên lại cho bà P phần đất mà bà M đứng tên giùm bà L (giấy chứng nhận 01145/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) T cấp ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M) để bà P trả tiền cho ông Q có tiền chi tiêu, bà P đã giao cho ông Q tổng cộng 80.000.000 đồng (có giấy giao nhận tiền cho ông Q đối với thửa đất mà bà M đứng tên giùm để chuyển nhượng cho bà P). Ông Q cũng cho bà M một số tiền (không rõ bao nhiêu) coi như là chuộc lại giấy chứng nhận QSDĐ mà bà M đứng tên giùm. Nhưng bà M không đồng ý nên khởi kiện yêu cầu bà P trả lại giấy chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01145/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) T cấp ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M. Hiện nay bà P đang giữ bản chính giấy chứng chứng nhận QSDĐ số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01145/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà M thì bà P yêu cầu bà M phải trả cho bà P số tiền 60.000.000 đồng (coi như là bà P thu hồi lại số tiền mà bà P đã giao cho ông Q 80.000.000 đồng, nhưng bà P chỉ lấy lại 60.000.000 đồng) thì bà P sẽ trả lại giấy chứng nhận QSDĐ bản chính cho bà M hoặc là bà P giao cho bà M số tiền 200.000.000 đồng để bà P nhận chuyển nhượng QSDĐ đối với phần đất này.

Bị đơn giao nộp tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng nhận QSDĐ số U 518628 do UBND thị xã Thủ Dầu Một cấp cho hộ ông Trần Văn Q ngày 19/01/2002, biên bản hòa giải ngày 16/11/2017, biên bản hòa giải ngày 06/10/2016, đơn đề nghị tách, hợp thửa đất, giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (bản photo).

3. Tại bản tư khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức H trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà M và không thay đổi, bổ sung ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không giao nộp tài liệu chứng cứ

4. Tại bản tư khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Mai Ph trình bày:

Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H, bà M và không thay đổi, bổ sung ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không giao nộp tài liệu chứng cứ.

5. Tại văn bản trình bày ý kiến về vụ án và từ chối tham gia tố tụng người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Q trình bày:

Nguồn gốc phần đất diện tích 149m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ 59 tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương có nguồn gốc là của ông Q và vợ là bà Nguyễn Thị N. Năm 2003, ông Q và bà N đã lập hợp đồng tặng cho con gái là bà Trần Thị Phương M. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được Uỷ ban nhân dân phường H chứng thực ngày 23/7/2003 và đã được Uỷ ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Trần Thị Phương M ngày 05/9/2003.

Ông Q nhận thấy, phần đất trên thuộc toàn quyền định đoạt của hộ gia đình bà M. Việc Tòa án cho rằng ông Q là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện tranh chấp giữa bà M, ông H và bà P là không chính xác. Ông Q xác định không có quyền hay lợi hay nghĩa vụ gì liên quan đến phần đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị Phương M. Vì vậy, ông Q từ chối tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án không triệu tập ông Q tham gia vụ án, ông Q cam kết không khiếu nại gì về sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện của nguyên đơn ông Vũ Mạnh T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Lê Việt H, bị đơn bà Trần Thị Thanh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Mai Ph, ông Trần Văn Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

* Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 20 tháng 5 năm 2019, bà Trần Thị Phương M và ông Nguyễn Long H có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh P trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Phương M do bà Trần Thị Thanh P đang lưu giữ, nên đây là vụ án "Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

[1.2]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H khởi kiện về việc tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với bà Trần Thị Thanh P, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 14 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Trần Thị Thanh P cư trú tại phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự, tham gia tố tụng của đương sự:

Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn ông Vũ Mạnh T, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Lê Việt H, bị đơn bà Trần Thị Thanh P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Mai Ph, ông Trần Văn Q có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Thị Thanh P trình bày đối với thửa đất mà Trần Thị Phương M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận 01145/QSDĐ, do UBND thị xã nay là (thành phố) T cấp ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M là của ông Trần Văn Q tặng cho bà Trần Thị Kim L, sinh năm 1965; địa chỉ: Không nhớ rõ số nhà, đường, Phường 13, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (con ruột của ông Q) và bà Trần Thị Phương M chỉ là người đứng tên quyền sử dụng đất giúp cho bà L. Tòa án đã thông báo yêu cầu bà P cung cấp chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và cung cấp địa chỉ cụ thể của bà Trần Thị Kim L nhưng bà P không cung cấp được. Ngày 25/9/2019 bà Trần Thị Kim L có văn bản trình bày ý về vụ án, bà L xác định không liên quan gì đến quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Trần Thị Phương M và từ chối tham gia tố tụng. Xét thấy, bà Trần Thị Kim L không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Vì vậy Tòa án không đưa bà Trần Thị Kim L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguồn gốc quyền sử dụng đất có diện tích 149m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M. Nguồn

gốc đất là do cha mẹ tặng cho từ năm 2003, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã được UBND phường H ký xác nhận, chứng thực và bà Trần Thị Phương M đã được UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy bà M là chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất nêu trên. Qúa trình sử dụng bà M làm thất lạc bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà M làm thủ tục xin cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên nhưng bà P ngăn cản nên phát sinh tranh chấp. Bà P thừa nhận hiện nay bà P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M.

Bà Trần Thị Thanh P trình bày bà Trần Thị Phương M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 149m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M là do bà M đứng tên giúp cho bà Trần Thị Kim L và hiện nay ông Trần Văn Q đã chuyển nhượng lại cho bà P phần đất nêu trên nên bà P không đồng ý trả lại giấy chứng nhận QSDĐ cho bà M. Bà P chỉ đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà M nếu bà M trả cho bà P số tiền 60.000.000 đồng hoặc bà P trả cho bà M số tiền 200.000.000 đồng để thực hiện việc chuyển nhượng đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho bà P. Tuy nhiên, lời trình bày và yêu cầu của bà P là không có căn cứ, không phù hợp với lời trình bày của bà Trần Thị Kim L, ông Trần Văn Q nên không có cơ sở để chấp nhận.

Bà Trần Thị Thanh P thừa nhận hiện nay bà P đang giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, việc bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Thanh P phải trả lại cho bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 149m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh P về việc tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, bị đơn phải chịu án phí không giá ngạch là 300.000 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 4, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H về việc "Tranh chấp đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" đối với bị đơn bà Trần Thị Thanh P.

Buộc bà Trần Thị Thanh P có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 149m^2 thuộc thửa số 71, tờ bản đồ số 59, tọa lạc tại khu phố 2, phường Hiệp T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01145/QSDĐ/H, ngày 05/9/2003 cho hộ bà Trần Thị Phương M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Thanh P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Trần Thị Phương M, ông Nguyễn Long H số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0033989, ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**